

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /SYT-VP
V/v thực hiện báo cáo định kỳ tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

Kính gửi:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Trung tâm Giám định Y khoa.

Thực hiện Công văn số 1367/VP-KSTTHCNC ngày 30/11/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ báo cáo kiểm soát TTHC theo Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ; Giám đốc Sở Y tế yêu cầu Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và Trung tâm Giám định Y khoa thực hiện một số nội dung sau:

Căn cứ danh mục TTHC trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (được gửi kèm tại Phụ lục số 01 và số 02), các đơn vị nghiên cứu thực hiện các nội dung và biểu mẫu báo cáo hàng quý và năm (theo phụ lục số 03,04 gửi kèm) đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Nội dung báo cáo, thời hạn, biểu mẫu báo cáo được quy định như sau:

Loại báo cáo	Thời gian chốt số liệu	Thời hạn gửi báo cáo đến Sở Y tế	Nội dung báo cáo	Biểu mẫu báo cáo
Quý 1	Từ ngày 15/12 đến 14/3	Ngày 15/3	Mẫu Đề cương báo cáo theo Phụ lục 03	Biểu số II.06a theo Phụ lục 04
Quý 2	Từ ngày 15/3 đến 14/6	Ngày 15/6		
Quý 3	Từ ngày 15/6 đến 14/9	Ngày 15/9		
Năm	Từ ngày 15/12 năm liền trước đến 14/12 của năm báo cáo.	Ngày 15/12		

Báo cáo gửi về Văn phòng Sở Y tế qua Phần mềm quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, đồng thời gửi qua địa chỉ email: lengocly.fu@gmail.com để tổng hợp, báo cáo Văn phòng UBND tỉnh.

Nhận được công văn này đề nghị các đơn vị triển khai nghiêm túc, kịp thời theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Ngọc Thơm

Phụ lục 01**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH***(Ban hành kèm theo Công văn số /SYT-VP ngày / /2021 của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Tên thủ tục	Mã số hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố TTHC	Quyết định của UBND tỉnh công bố TTHC
1	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng	1.003481.000.00.00.H56	Quyết định 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Quyết định 2958/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực y tế dự phòng thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa
2	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng	1.003468.000.00.00.H56		
3	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng	1.004612.000.00.00.H56		
4	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý	1.004606.000.00.00.H56		
5	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý	1.004600.000.00.00.H56		
6	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh	1.002231.000.00.00.H56	Quyết định 4308/QĐ-BYT ngày	
7	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh đặc biệt điều trị tại nhà	1.002216.000.00.00.H56	19/10/2015 của Bộ Y tế về việc công bố thủ	

TT	Tên thủ tục	Mã số hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố TTHC	Quyết định của UBND tỉnh công bố TTHC
			tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế	
8	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	1.004568.000.00.00.H56	Quyết định 4695/QĐ-BYT ngày 4/11/2015 của Bộ Y tế Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực y tế dự phòng	
9	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	1.004541.000.00.00.H56		
10	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	2.000997.000.00.00.H56	Quyết định 4921/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế	Quyết định 3579/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực y tế dự phòng thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa
11	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	2.000993.000.00.00.H56		
12	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	2.000981.000.00.00.H56		
13	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt	2.000972.000.00.00.H56		
14	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	1.002204.000.00.00.H56		

Phụ lục 02
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH Y KHOA
(Ban hành kèm theo Công văn số /SYT-VP ngày / /2021 của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên TTHC	Mã số hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố TTHC	Quyết định của UBND tỉnh công bố TTHC
1	Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động	1.002706.000.00.00.H56	Quyết định 2968/QĐ-BYT ngày 26/05/2018 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được quy định tại Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực Y tế	Quyết định 3084/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Giám định y khoa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa
2	Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động	1.002671.000.00.00.H56		
3	Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất	1.002208.000.00.00.H56		
4	Khám Giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai	1.002190.000.00.00.H56		
5	Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần	1.002168.000.00.00.H56		
6	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động	1.002146.000.00.00.H56		
7	Khám Giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát	1.002136.000.00.00.H56		
8	Khám giám định tổng hợp	1.002118.000.00.00.H56		
9	Khám GDYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	1.003691.000.00.00.H56	Quyết định 784/QĐ-BYT ngày 8/03/2017 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ tại	

TT	Tên TTHC	Mã số hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố TTHC	Quyết định của UBND tỉnh công bố TTHC
10	Khám GDYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	1.003662.000.00.00.H56	TTLT số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 về hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ	
11	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật	1.000281.000.00.00.H56	Quyết định 4760/QĐ-BYT ngày 9/11/2015 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế	
12	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	1.000278.000.00.00.H56		
13	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định khuyết tật.	1.000276.000.00.00.H56		
14	Khám giám định đối với trường hợp Người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.	1.000272.000.00.00.H56		
15	Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.	1.000269.000.00.00.H56		

TT	Tên TTHC	Mã số hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố TTHC	Quyết định của UBND tỉnh công bố TTHC
16	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định Y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định.	1.000262.000.00.00.H56		
17	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành biên bản khám giám định.	1.000101.000.00.00.H56		
18	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện	1.002360.000.00.00.H56		
19	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.	2.001022.000.00.00.H56	Quyết định 4690/QĐ-BYT ngày 4/11/2015 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế trong lĩnh vực giám định y khoa	
20	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	1.002392.000.00.00.H56		
21	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	1.002405.000.00.00.H56		
22	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	1.002412.000.00.00.H56		

Phụ lục 03

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC

*(Ban hành kèm theo Công văn số /SYT-VP ngày / /2021
của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa)*

**BÁO CÁO CÔNG TÁC THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
QUÝ..../NĂM....**

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ:.... (trực tuyến:....trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính:....); số từ kỳ trước chuyển qua:
- Số lượng hồ sơ đã giải quyết:....; trong đó, giải quyết trước hạn:...., đúng hạn:...., quá hạn:....
- Số lượng hồ sơ đang giải quyết:....; trong đó, trong hạn:, quá hạn:

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Đánh giá chung về hiệu quả, mức độ hoàn thành các TTHC
- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Biểu số
II.06a/VPCP/KSTT

Phụ lục 04
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH TẠITRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:
- Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6) =(7)+(11)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)
1	Lĩnh vực...											
	Ví dụ: Lĩnh vực Giám định y khoa	1598	305	1289	4	1488	12	1475	1	110	110	0
...	...											
TỔNG CỘNG												

Ghi chú:

- *Cột 6 của kỳ báo cáo = Cột 11 của kỳ báo cáo liền trước đó (ví dụ: số liệu tại cột 6 của báo cáo quý 1/2021 = số liệu tại cột 11 của kỳ báo cáo năm 2020)*